TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87 /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 15/12/2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô, ông Phạm Đình Thìn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 342/2017/TLST- HNGĐ ngày 17/10/2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Xuân H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.(xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Lê Xuân H có đăng ký kết hôn vào ngày 03/07/2012 tại UBND xã T, huyện L. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn vào năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H ghen tuông vô cớ, đánh chửi chị nhiều lần, đến đầu năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tháng 8/2017 vợ chồng có mâu thuẫn anh H cầm dao đe dọa chị, chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2017 và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Hải.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Lê Hà T, sinh ngày 03/01/2013.
2. Lê Hồng S, sinh ngày 03/9/2016

Hiện nay cháu T đang ở với anh H, cháu S đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con Lê Hà T cho anh H nuôi dưỡng. Giao con Lê Hồng S cho chị tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Xuân H trình bày: Anh và chị D có đăng ký kết hôn vào ngày 03/7/2012 tại UBND xã T, quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn to tiếng, đánh nhau, nguyên nhân do chị D có hành vi cư sử không đúng mực với anh, anh có đánh chị D một vài lần, các đây khoảng 02 tháng chị D tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, nay chị D xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Lê Hà T, sinh ngày 03/01/2013.

2. Lê Hồng S, sinh ngày 03/9/2016.

Hiện nay cháu T đang ở với anh, cháu S đang ở với chị D. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con Lê Hà T cho anh nuôi dưỡng. Giao con Lê Hồng S cho chị D tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện công việc nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do anh H vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Lê Xuân H vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị D: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Xuân H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Lê Hồng S, sinh ngày 03/9/2016, giao anh Lê Xuân H nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Lê Hà T, sinh ngày 03/01/2013.

Về án phí: Chị D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Anh H có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Xuân H có đăng ký kết hôn vào ngày 03/07/2012 tại UBND xã T, huyện L. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Duyên và ông H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của chị D về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của 02 vợ chồng, phù hợp với lời khai của anh H, biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H trong đó thể hiện anh H thường xuyên chửi bới chị D, đập phá đồ đạc trong nhà, chính quyền đã hòa giải nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có cãi nhau, anh có đánh chị D vợ chồng hiện nay đã ly thân. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn đề nghị được ly hôn, anh H cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng có đánh cãi chửi nhau,việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của

vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị D được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị D anh H có 02 con chung là Lê Hà T, sinh ngày 03/01/2013, Lê Hồng S, sinh ngày 03/9/2016, hiện nay các con vẫn còn nhỏ chưa đủ 7 tuổi, chị D và anh H đã thỏa thuả thuận được với nhau về con chung, cụ thể chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hồng S, anh Lê Xuân H nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hà T, hiện nay cháu T đang ở cùng với anh H, cháu S đang ở cùng với chị X. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, để các cháu có môi sinh sống lành mạnh, ổn định cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Lê Hồng S, sinh ngày 03/9/2016, giao anh Lê Xuân H nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháú Lê Hà T, sinh ngày 03/01/2013 là phù hợp.

Chị D, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị D, anh H thực hiện quyền này.

Chị D, anh H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị D và anh H đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: chị D, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Xuân H

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Lê Hồng S, sinh ngày 03/9/2016, giao anh Lê Xuân H nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháú Lê Hà T, sinh ngày 03/01/2013.

Chị D, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị D, anh H thực hiện quyền này.

Chị D, anh H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004086 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị D có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Tân Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà